

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THAN UYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 91/UBND-NTM
V/v xây dựng kế hoạch thực hiện
Chương trình mục tiêu Quốc gia
xây dựng nông thôn mới năm 2021

Than Uyên, ngày 20 tháng 01 năm 2021

Kính gửi:

- Các thành viên BCD các Chương trình MTQG huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã.

Căn cứ Quyết định số 935/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành bộ tiêu chí về xã nông thôn mới của tỉnh Lai Châu giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Công văn số 18/SNN-VPĐP ngày 06/01/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2021;

Để các xã đã đạt chuẩn giữ vững duy trì các tiêu chí, đồng thời đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, phấn đấu hoàn thành mục tiêu năm 2021. Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu UBND các xã, các thành viên Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG huyện tổ chức rà soát, đánh giá chính xác đến từng tiêu chí kết quả thực hiện 19 tiêu chí/49 tiêu chí thành phần năm 2020 (theo Quyết định số 935/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 của UBND tỉnh Lai Châu) và xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2021 cụ thể như sau:

1. Ủy ban nhân dân các xã

- Đối với các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới (Mường Than, Mường Cang, Hua Nà, Mường Mít, Phúc Than, Mường Kim, Ta Gia): Quyết liệt chỉ đạo công tác duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí, thường xuyên kiểm tra, đánh giá kết quả duy trì các tiêu chí. Xây dựng kế hoạch hoàn thiện các tiêu chí giảm.

- Đối với xã đăng ký đạt chuẩn trong năm 2021 (xã Pha Mu): Căn cứ vào kế hoạch vốn năm 2021, khả năng huy động nguồn lực của xã, rà soát các tiêu chí chưa đạt (Thông tin và truyền thông, nhà ở dân cư, nhu nhập, hộ nghèo), các tiêu chí đạt nhưng kém bền vững (Môi trường, hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật), chủ động xây dựng kế hoạch xã đạt chuẩn nông thôn mới ngay từ đầu năm 2021.

- Đối với các xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới (Tà Hừa, Khoen On, Tà Mung): Căn cứ vào kế hoạch vốn năm 2021, khả năng huy động nguồn lực của xã, rà soát các tiêu chí chưa đạt, chủ động xây dựng kế hoạch, đăng ký tiêu chí, tiêu chí thành phần hoàn thành trong năm 2021.

2. Các thành viên BCD các Chương trình MTQG huyện

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phụ trách các chỉ tiêu, tiêu chí nông thôn mới, chủ động nắm bắt tình hình ở cơ sở: Quan tâm phối hợp với các xã lồng ghép kế hoạch thực hiện chỉ tiêu ngành gắn với kế hoạch, lộ trình xây dựng nông thôn mới từng xã; thường xuyên rà soát, đánh giá các tiêu chí bị giảm, các tiêu chí chưa đạt, chủ động xây dựng kế hoạch hoàn thiện các tiêu chí.

3. Giao Phòng Nông nghiệp và PTNT

Tổng hợp tham mưu xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2021 trình UBND huyện ban hành, thời gian hoàn thành trước ngày **26/02/2021**.

UBND các xã, các thành viên BCD các Chương trình MTQG huyện xây dựng kế hoạch phải cụ thể hoàn thành từ tiêu chí thành phần, các giải pháp thực hiện phải có tính khả thi cao, đặc biệt là các tiêu chí nhà ở dân cư, thu nhập, hộ nghèo, môi trường. Yêu cầu xây dựng theo mẫu và gửi UBND huyện (qua phòng Nông nghiệp và PTNT) **trước ngày 05/02/2021**.

Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu UBND các xã, các thành viên BCD các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Lưu: VT. *VT*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thăng

ĐỀ CƯƠNG

Kế hoạch thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2021
(kèm theo Công văn số 91/UBND-NTM ngày 20/12/2020 của UBND huyện)

ỦY BAN NHÂN DÂN

XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /KH-UBND

....., ngày tháng năm 2021

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2021

Căn cứ

UBND xã xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2021, với nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

.....

2. Yêu cầu

.....

II. NỘI DUNG

1. Kết quả thực hiện năm 2020

2. Mục tiêu năm 2021

2.1. Mục tiêu chung

.....

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Đối với các xã đạt được công nhận đạt chuẩn phần đầu nâng cao các tiêu chí gồm:

- Chất lượng cuộc sống của cư dân nông thôn: Thu nhập bình quân đầu người đạt triệu đồng/người; tỷ lệ hộ nghèo giảm%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi (Chiều cao theo tuổi) giảm ...%; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt%, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học (THPT, BT, HN) đạt%; tỷ lệ hộ có nhà tiêu nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt HVS đạt ...%; tỷ lệ số hộ có chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh đạt%...

- Đối với các xã chưa được công nhận đạt chuẩn NTM phần đầu hoàn thành tiêu chí, gồm:

- Chất lượng cuộc sống của cư dân nông thôn: Thu nhập bình quân đầu người đạt triệu đồng/người; tỷ lệ hộ nghèo giảm%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi (Chiều cao theo tuổi) giảm ...%; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt%, tỷ lệ học sinh tốt

ngành THCS tiếp tục học (THPT, BT, HN) đạt ...%; tỷ lệ hộ có nhà tiêu nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt HVS đạt ...%; tỷ lệ số hộ có chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh đạt%.

2. Nhiệm vụ

2.1. Về quy hoạch và thực hiện quy hoạch

2.2. Về hạ tầng kinh tế - xã hội

2.3. Về kinh tế và tổ chức sản xuất

2.4. Về văn hóa, xã hội và môi trường

2.5. Về hệ thống chính trị

(có biểu chi tiết kèm theo)

III. NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ

1. Tổng kinh phí:..... Triệu đồng; trong đó:

- Về quy hoạch và thực hiện quy hoạch Triệu đồng.
- Về hạ tầng kinh tế - xã hội Triệu đồng.
- Về kinh tế và tổ chức sản xuất Triệu đồng.
- Về văn hóa, xã hội và môi trường ... triệu đồng.
- Về hệ thống chính trị ... triệu đồng.

2. Nguồn vốn

- Nguồn vốn chương trình nông thôn mới Triệu đồng.
- Nguồn Chương trình 135 Triệu đồng.
- Nguồn vốn từ các đề án, dự án ... triệu đồng.
- Nguồn vốn khác: Triệu đồng.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trên đây là kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2021 của UBND xã/.

Nơi nhận:

- UBND huyện (B/c);
- Phòng Nông nghiệp & PTNT;
- Các thành viên BCD các Chương trình MTQG huyện;
- TT Đảng ủy; HĐND-UBND xã;
- Các ban, ngành, đoàn thể xã;
- Các thành viên BQL xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**Phụ lục: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
XÃ NĂM 2021**

(Kèm theo Công văn số 91/UBND-NTM ngày 20/01/2021 của UBND huyện Than Uyên)

TT	Tên/Nội dung tiêu chí	ĐVT	Theo QĐ 935/QĐ-UBND	Thực hiện năm 2020	KH năm 2021	Các nội dung dự kiến thực hiện năm 2021	Ghi chú
1	Quy hoạch						
	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và công bố công khai đúng thời hạn	Có/không	Có				
	1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Có/không	Có				
2	Giao thông						
	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	%	100				
	Số km cứng hóa						
	Tổng số km						
	2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	%	>80				
	Số km cứng hóa						
	Tổng số km						
	2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	%	50,00				
	Số km cứng hóa						
	Tổng số km						
	2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	%	50,00				
	Số km cứng hóa						
	Tổng số km						
3	Thủy lợi						
	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	%	≥ 80				
	Diện tích được tưới tiêu						
	Tổng diện tích đất sx nông nghiệp của xã						
	3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt/K.đạt	Đạt				
4	Điện						
	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt/K.đạt	Đạt				

	4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	%	≥95%				
	Tổng số hộ có điện						
	Tổng số hộ của xã						
5	Trường học						
	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	%	≥70%				
	Số trường đạt chuẩn quốc gia						
	Tổng số trường trên địa bàn xã						
6	Cơ sở vật chất văn hóa						
	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Đạt/K.đạt	Đạt				
	6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em theo quy định	Đạt/K.đạt	Đạt				
	6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	%	100,00				
	Số bản có nhà văn hóa						
	Tổng số bản						
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn						
	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt/K.đạt	Đạt				
8	Thông tin và Truyền thông						
	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính	Đạt/K.đạt	Đạt				
	8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt/K.đạt	Đạt				
	8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Đạt/K.đạt	Đạt				
	Số bản có hệ thống loa hoạt động						
	Tổng số bản của xã						
	8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt/K.đạt	Đạt				
9	Nhà ở dân cư						
	9.1. Nhà tạm, dột nát	Đạt/K.đạt	0				
	9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	%	≥77				
	Nhà đạt chuẩn						
	Tổng số nhà						
10	Thu nhập						
	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng	33,00				

	Tổng dân số của xã						
	GNP của xã						
11	Hộ nghèo						
	Tỷ lệ hộ nghèo	%	≤12				
	Số hộ nghèo của xã						
	Tổng số hộ của xã						
12	Lao động có việc làm						
	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	%	≥90				
	Số lao động có việc làm						
	Tổng số lao động của xã						
13	Tổ chức sản xuất						
	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	Đạt/K.đạt	Đạt				
	HTX		0				
	13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt/K.đạt	Đạt				
14	Giáo dục và Đào tạo						
	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt/K.đạt	Đạt				
	14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp nghề)	%	≥70				
	Số học sinh tiếp tục học THPT, BT, HN						
	Tổng số HS tốt nghiệp THCS						
	14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm được đào tạo	%	≥25				
	Lao động qua đào tạo						
	Tổng số lao động của xã						
15	Y tế						
	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	≥85				
	Số người có BHYT						
	Tổng dân số của xã						
	15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt/K.đạt	Đạt				
	15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	%	≤26,7				

	Số trẻ suy dinh dưỡng					
	Tổng số trẻ được đo					
	Tổng số trẻ trên địa bàn xã					
16	Văn hóa					
	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	%	≥70			
	Số bản đạt danh hiệu bản làng VH					
	Tổng số bản					
17	Môi trường và an toàn thực phẩm					
	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	%	≥90%(≥50% nước sạch)			
	Số hộ được sử dụng nước SHHVS					
	Tổng số hộ của xã					
	17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	%	100			
	Số cơ sở đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường					
	Tổng số cơ sở trên địa bàn xã					
	17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt/K.đạt	Đạt			
	17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt/K.đạt	Đạt			
	17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt/K.đạt	Đạt			
	17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	%	≥70			
	Số hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước SH HVS					
	Tổng số hộ của xã					
	17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	%	≥60			
	Số hộ có chuồng trại chăn nuôi HVS					
	Tổng số hộ chăn nuôi của xã					
	17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	%	100			
	Số hộ gia đình tuân thủ các quy định					
	Tổng số hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm					

18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật						
	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt/K.đạt	Đạt				
	Số cán bộ, công chức đạt chuẩn						
	Tổng số cán bộ, công chức của xã						
	18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt/K.đạt	Đạt				
	18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	Đạt/K.đạt	Đạt				
	18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	Đạt/K.đạt	Đạt				
	18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt/K.đạt	Đạt				
	18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt/K.đạt	Đạt				
19	Quốc phòng và An ninh						
	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt/K.đạt	Đạt				
	19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	Đạt/K.đạt	Đạt				